ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 27/2024/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 08 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá chất lượng; cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm định chất lượng và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn quản lý đối tượng được cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Về việc Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 67/TTr-SLĐTB&XH ngày 30/7/2024; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 137/BC-STP ngày 31/5/2024 và ý kiến đồng ý của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá chất lượng; cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm định chất lượng và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Lao động TBXH;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; (báo cáo)
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- V0,1,2,3,4; các Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT,VX2.

03b-QĐ91

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Tường Huy

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá chất lượng; cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm định chất lượng và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Kèm theo Quyết định số: 27/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá chất lượng; cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm định chất lượng và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động – Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở trợ giúp xã hội được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (gọi chung là bên cung cấp dịch vụ).

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ, kiểm tra, giám sát dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công là mức độ dịch vụ đáp ứng được các tiêu chí, tiêu chuẩn tại Quy định này.

2. Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội tại Quy định này là các nội dung yêu cầu của cơ quan

giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu để các đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phải đáp ứng.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT; TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG; KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ NGHIỆM THU

Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật

Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 5. Tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá chất lượng dịch vụ

1. Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn
a	***Hồ sơ, thủ tục tiếp nhận đối tượng***	Đánh giá một lần/lượt đối tượng tiếp nhận vào đảm bảo theo quy định tại: khoản 1, khoản 3 Điều 24 và khoản 1, khoản 2 Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Điều 9 Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH
	Thẩm quyền tiếp nhận vào cơ sở	
	Hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở	
	Ghi chép và lưu trữ hồ sơ	
b	***Chăm sóc y tế***	
	Trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế	Đảm bảo quy định tại: khoản 8 Điều 5 và khoản 1 Điều 8 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH; Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH
	Điều trị và mở sổ theo dõi	
	Kiểm tra sức khoẻ định kỳ cho từng đối tượng	
	Vật lý trị liệu, phục hồi chức năng	bình quân 120 lượt/năm/đối tượng (trẻ khuyết tật, tâm thần, nhiễm HIV; người cao tuổi, người khuyết tật không tự phục vụ được)
c	***Vệ sinh và đồ dùng sinh hoạt***	Đảm bảo quy định tại: khoản 2, Điều 8 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH; Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH; phù hợp nhóm đối tượng; đảm bảo vệ sinh, an toàn, không rách, hỏng; mùa đông đủ ấm, mùa hè thoáng, mát; được thay thế trong trường hợp bị mất, hỏng
	Nước uống, Nước sinh hoạt (vệ sinh, tắm, giặt) hàng ngày	
	Đồ dùng vệ sinh cá nhân	
	Đồ dùng phục vụ việc ngủ	
	Nội quy quy định dọn vệ sinh và vệ sinh cá nhân	

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn
d	***Quần áo***	Đảm bảo quy định tại: Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH; phù hợp nhóm đối tượng; đảm bảo vệ sinh, an toàn, không rách, hỏng; mùa đông đủ ấm, mùa hè thoáng, mát; được thay thế trong trường hợp bị mất, hỏng
đ	***Dinh dưỡng***	Đảm bảo quy định tại: khoản 4 Điều 8 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH; Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH; khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ninh
	Cung cấp bữa ăn mỗi ngày	
	Đảm bảo dinh dưỡng	
	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng đặc thù	
e	***Giáo dục và học nghề***	Đảm bảo quy định tại: Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH
	Phổ cập giáo dục	
	Giáo dục về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khoẻ sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với lứa tuổi	
	Giáo dục về phương pháp tự phòng tránh buôn bán, lạm dụng, bạo hành và bóc lột	
	Cung cấp sách vở, tài liệu và bàn ghế học tập, nơi học tập cho đối tượng	
	Dạy kỹ năng sống	
	Tư vấn nghề nghiệp và lựa chọn nghề, hỗ trợ học nghề, giáo dục nghề nghiệp cho đối tượng	
g	***Về văn hoá***	
	Môi trường văn hoá, xã hội	Đảm bảo quy định tại: khoản 1, Điều 10 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH; tổ chức các hoạt động tối thiểu 03 lượt/năm
	Tự do tôn giáo, tín ngưỡng	
h	***Về thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí***	Đảm bảo quy định tại: khoản 2, Điều 10 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH; Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH

2. Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn
a	***Hồ sơ, thủ tục tiếp nhận đối tượng***	Đảm bảo quy định tại: khoản 2 Điều 24, khoản 1 và 3 Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Điều 9 Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH
	Thẩm quyền tiếp nhận vào cơ sở	
	Hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở	
	Ghi chép và lưu trữ hồ sơ	
b	***Chăm sóc y tế***	Đảm bảo quy định tại : Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH
	Sơ cấp cứu và chăm sóc sức khoẻ ban đầu	
	Hỗ trợ trị liệu, phục hồi thể chất tâm lý	
c	***Vệ sinh và đồ dùng sinh hoạt***	Đảm bảo quy định tại: khoản 2 Điều 8 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH; Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH; phù hợp nhóm đối tượng; đảm bảo vệ sinh, an toàn, không rách, hỏng; mùa đông đủ ấm, mùa hè thoáng, mát; được thay thế trong trường hợp bị mất, hỏng
	Nước uống, Nước sinh hoạt (vệ sinh, tắm, giặt) hàng ngày	
	Đồ dùng vệ sinh cá nhân	
	Đồ dùng phục vụ việc ngủ	
d	**Quần áo**	01 bộ/đối tượng (gồm quần áo lót, quần, áo hè hoặc đông; phù hợp nhóm đối tượng; đảm bảo mùa đông đủ ấm, mùa hè thoáng, mát; được thay thế trong trường hợp bị mất, hỏng)
đ	***Dinh dưỡng***	Đảm bảo quy định tại: khoản 4 Điều 8 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH; Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH; khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ninh
	Cung cấp bữa ăn mỗi ngày	
	Đảm bảo dinh dưỡng	
	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng đặc thù	

3. Dịch vụ công tác xã hội và chăm sóc bán trú

Đảm bảo quy định tại định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Tiêu chí, tiêu chuẩn chung (nếu có) đối với các dịch vụ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn
a	Quy trình quản lý đối tượng	Đảm bảo quy định tại: khoản 1 và 2 Điều 12 Thông tư số 20/2020/TT-BLĐTBXH
	Thu thập thông tin của đối tượng	Đảm bảo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH
	Đánh giá nhu cầu chăm sóc, trợ giúp	Đảm bảo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH
	Xây dựng kế hoạch chăm sóc, trợ giúp	Đảm bảo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH
	Thực hiện kế hoạch chăm sóc, trợ giúp	Đảm bảo quy định tại Điều 7 Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH
	Theo dõi, đánh giá và kết thúc quản lý đối tượng	Đảm bảo quy định tại Điều 8 Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH
b	Môi trường, khuôn viên, nhà ở	Đảm bảo quy định tại Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH
c	Hỗ trợ đối tượng trở về cộng đồng, gia đình	Đảm bảo quy định tại: Điều 30 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH
d	Hỗ trợ chi phí mai táng đối tượng chết	Đảm bảo quy định tại: khoản 1 và 2 Điều 30 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

5. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo phương thức đánh giá "Đạt" hoặc "Không đạt". Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công được đánh giá theo từng tiêu chí. Tiêu chí được đánh giá "Đạt" khi đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 6. Kiểm tra, giám sát, kiểm định chất lượng và nghiệm thu dịch vụ

1. Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn tại Điều 4 Quy định này. Định kỳ 06 tháng/01 lần; thực hiện kiểm tra, giám sát đột xuất khi cần.

2. Khi phát hiện sai sót trong quá trình cung cấp dịch vụ hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ kịp thời khắc phục, sửa chữa các sai sót và giải quyết

những vấn đề phát sinh có liên quan nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ theo các quy định hiện hành của nhà nước.

3. Đơn vị cung, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phải chấp hành sự kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu; tiếp thu ý kiến phản hồi, nhận xét đánh giá của các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

4. Kết quả đánh giá chất lượng do cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện là một trong những cơ sở để nghiệm thu, quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu dịch vụ.

5. Kiểm định chất lượng: Trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá nếu cần kiểm định chất lượng, cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ thuê các đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định thực hiện kiểm định chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn tại Quy định này.

6. Nghiệm thu dịch vụ:

a) Chất lượng dịch vụ được nghiệm thu sau khi toàn bộ tiêu chí được đánh giá ở mức độ "Đạt".

b) Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu tổ chức thực hiện nghiệm thu giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo từng năm vào thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành. Kết quả nghiệm thu được thể hiện bằng biên bản nghiệm thu, trong đó xác định cụ thể số lượng, khối lượng, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công để làm cơ sở thanh, quyết toán theo quy định. Biên bản nghiệm thu đặt hàng thực hiện theo Mẫu số 02 quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

c) Căn cứ kết quả nghiệm thu, cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật. Đối với dịch vụ trợ giúp đơn giá theo tháng nhưng thực hiện không đủ số ngày của tháng, được nghiệm thu, thanh toán theo số ngày thực tế thực hiện và đơn giá tháng/30 ngày.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật tại Điều 4 Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

c) Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ để xem xét, quyết định hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền quyết định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi quản lý đảm bảo hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên rà soát, tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp.

2. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định.

3. Uỷ ban nhân dân cấp huyện: Tổ chức thực hiện Quy định đối với giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi quản lý.

4. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ

a) Tổ chức cung cấp các dịch vụ đảm bảo đúng quy trình, chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan; thường xuyên tự kiểm tra, rà soát nâng cao chất lượng dịch vụ; chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu về chất lượng, kết quả, hiệu quả dịch vụ cung cấp.

b) Hằng năm, xây dựng dự toán kinh phí, kế hoạch giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về trợ giúp xã hội trong lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội gửi cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng theo quy định.

c) Chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí cung cấp dịch vụ, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

d) Định kỳ hằng tháng, quý, năm và khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước gửi cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết hoặc tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định./.